

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2026/HNGĐ-ST

Ngày 02-7-2026

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Hoài Trí.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bò Thị Ánh Tuyết;

Ông Nguyễn Đức Chung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 104/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Đặng Thị T**, sinh năm 1975; địa chỉ: **ấp T, xã M, Thành phố Hồ Chí Minh**.

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Hoàng T1**, sinh năm 1975; địa chỉ: **ấp T, xã M, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Các đương sự có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 10 năm 2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Đặng Thị T** và ông **Nguyễn Hoàng T1** tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) **xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là xã L, tỉnh Tây Ninh)** theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04/99, quyển số 01, ngày 05/3/1999. Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc nhưng sau đó giữa bà **T** và ông **T1** xảy ra nhiều mâu thuẫn, cả hai không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên bà **T** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông **T1**.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên **Nguyễn Hoàng T2**, sinh ngày 15/11/1998 và **Nguyễn Thị Mỹ T3**, sinh ngày 10/12/2003. Con chung đã trưởng thành đang sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Nguyên đơn không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết:

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng T1*: Quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, tiến hành triệu tập bị đơn đến Tòa án để tham gia tố tụng và giải quyết vụ việc. Bị đơn đã nhận được Giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa của Tòa án nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn.

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử vụ việc, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn cố tình vắng mặt, từ bỏ quyền tham gia tố tụng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, bị đơn không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nguyên đơn. Do đó, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn”, bị đơn cư trú tại **xã M, Thành phố Hồ Chí Minh** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh theo Điều 28 và 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, tiến hành triệu tập bị đơn đến Tòa án để tham gia tố tụng và giải quyết vụ việc. Bị đơn đã nhận được Giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa của Tòa án nhiều lần nhưng vẫn không đến tòa án tham gia tố tụng, do đó Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà **Đặng Thị T** và ông **Nguyễn Hoàng T1** tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là xã L, tỉnh Tây Ninh)** theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04/99, quyền số 01 ngày 05/3/1999 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc nhưng sau đó giữa bà **T** và ông **T1** xảy ra nhiều mâu thuẫn, cả hai không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên bà **T** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông **T1**. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng,

hạnh phúc. Vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, hiện tại bà T và ông T1 không còn sống chung, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông T1 không quan tâm gì đến tâm tư, tình cảm của bà T, không có hành động gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài tình trạng hôn nhân, do đó bà T yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 15/11/1998 và Nguyễn Thị Mỹ T3, sinh ngày 10/12/2003. Xét thấy con chung đã trưởng thành đang sống tự lập nên không đặt vấn đề giải quyết về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét.

[3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 147, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T đối với ông Nguyễn Hoàng T1 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Tuyết ly H ông Nguyễn Hoàng T1.
- Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005552 ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND khu vực 18 - TP. HCM;
- Phòng THADS khu vực 18 - TP. HCM;
- UBND xã Lộc Ninh, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Hoài Trí